TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/DSST
Ngày: 06-01-2025
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH PHÚ YÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Tân Sang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Khắc Hiếu và bà Đào Thị Ngâm.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hưng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 06/01/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 208/2024/TLST-DS ngày 11/10/2024 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 189/2024/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S ; Địa chỉ: 2 N, phường V, Quận C, Tp Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng giám đốc làm đại diện.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Trần Hoàng N, chức vụ: Giám đốc chi nhánh P theo quyết định ủy quyền số 3524/2023/QĐ-PC ngày 25/12/2023 của Tổng giám đốc.

Ông N ủy quyền lại cho bà Trương Thị Thu T, chức vụ: chuyên viên quản lý nợ của Ngân hàng TMCP S – chi nhánh P làm đại diện theo giấy ủy quyền số 306/2024/GUQ-CNPY ngày 16/9/2024 của Giám đốc chi nhánh P; Địa chỉ: 205 - B - B - B H, phường E, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt

- Bị đơn: Ông Phạm Lê Thiên L, sinh năm 1995; Địa chỉ: 2 N, phường F (nay là phường D), thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/9/2024, quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S, bà Trương Thị Thu T trình bày: Ngày 27/7/2023 giữa Ngân hàng TMCP S (gọi tắt: Ngân hàng) và ông L có ký kết Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân số 2834621 ngày 27/7/2023, theo đó Ngân hàng cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng 30.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất hai bên thỏa thuận 33,2%/năm, thời hạn trả nợ không xác định.

Trong quá trình vay vốn và sử dụng thẻ tín dụng, do ông L không trả nợ cho Ngân hàng nên đến ngày 10/3/2024 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ gốc quá hạn là 32.507.119 đồng. Từ ngày 10/3/2024 cho đến nay, nhiều lần Ngân hàng nhắc nhở và yêu cầu ông L trả nợ nhưng ông L không trả nợ cho Ngân hàng. Tính đến ngày 06/01/2025 ông L còn nợ số tiền là 46.410.915 đồng trong đó nợ gốc 32.507.119 đồng, nợ lãi 13.903.796 đồng. Vì ông L vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện và yêu cầu ông L trả số tiền 46.410.915 đồng và tiền lãi phát sinh sau ngày 06/01/2025 theo hợp đồng đã ký kết cho đến khi ông L trả nợ xong.

Trong quá trình giải quyết, bị đơn ông Phạm Lê Thiên L trình bày: Tháng 07/2023 bị đơn có vay số tiền 30.000.000 đồng tại Ngân hàng TMCP S. Sau khi vay vì không có tiền trả nợ, nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu tôi trả nợ gốc và tiền lãi phát sinh thì tôi đồng ý. Hiện nay tôi đang bị bắt tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an Thành phố T, tỉnh Phú Yên và tôi xin mãn hạn tù sẽ thanh toán sau.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên lời trình bày, bị đơn ông L vắng mặt nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng qui định. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật; Bị đơn ông L không chấp hành các quy định pháp luật. Phát biểu ý kiến về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 463, 466 Bộ luật dân sự; Điều 100,103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông L phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 06/01/2025 là 46.410.915 đồng trong đó nợ gốc 32.507.119 đồng, nợ lãi 13.903.796 đồng và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Về án phí: bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về hợp đồng tín dụng giữa pháp nhân và cá nhân không có mục đích kinh doanh là tranh chấp hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Phạm Lê Thiên L có nơi cư trú tại thành phố T, tỉnh Phú Yên nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T

theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn ông Phạm Lê Thiên L đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt nên tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung yêu cầu khởi kiện: Căn cứ Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân số 2834621 ngày 27/7/2023 và điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S, xác định, bị đơn ông Phạm Lê Thiên L có vay của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S - chi nhánh P số tiền 30.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất hai bên thỏa thuận 33,2%/năm, thời hạn trả nợ không xác định.

Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, ông L không trả nợ cho Ngân hàng nên ngày 10/3/2024 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ gốc quá hạn là 32.507.119 đồng. Tính đến ngày 06/01/2025 ông L còn nợ Ngân hàng tổng cộng số tiền 46.410.915 đồng trong đó nợ gốc 32.507.119 đồng, nợ lãi 13.903.796 đồng. Nhiều lần, Ngân hàng yêu cầu ông L trả nợ nhưng ông L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng đã ký kết. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông L đã xác nhận vào tháng 07/2023 bị đơn có vay số tiền 30.000.000 đồng tại Ngân hàng TMCP S. Tuy nhiên sau khi vay vì không có tiền trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ gốc và tiền lãi phát sinh thì bị đơn đồng ý. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S là có căn cứ chấp nhận, buộc bị đơn ông L phải trả cho nguyên đơn số tiền 46.410.915 đồng và tiền lãi phát sinh theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân số 2834621 ngày 27/7/2023 mà hai bên đã ký kết.

Về thời gian và phương thức trả nợ: Bị đơn ông L cho rằng, bị đơn đang bị bắt tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an Thành phố T, tỉnh Phú Yên nên xin trả nợ sau khi được mãn hạn tù. Tuy nhiên, yêu cầu xin trả nợ sau khi mãn hạn tù của bị đơn không được nguyên đơn chấp nhận. Do đó, yêu cầu của bị đơn không có cơ sở để chấp nhận.

Từ những căn cứ nêu trên nên chấp nhận ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Về án phí: Bị đơn ông L phải chịu 2.320.546 đồng *(46.410.915 đồng x 5%)* án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, 228 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự; Điều 100,103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Buộc bị đơn ông Phạm Lê Thiên L phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S tổng cộng số tiền tính đến ngày 06/01/2025 là 46.410.915 đồng *(bốn mươi sáu triệu bốn trăm mười nghìn chín trăm mười lăm đồng)* trong đó nợ gốc 32.507.119 đồng *(ba mươi hai triệu năm trăm lẻ bảy nghìn một trăm mười chín đồng)*, nợ lãi 13.903.796 đồng *(mười ba triệu chín trăm lẻ ba nghìn bảy trăm chín mươi sáu đồng)* về khoản tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 06/01/2025), ông Phạm Lê Thiên L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất mà ông Phạm Lê Thiên L phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

Về án phí: Bị đơn ông Phạm Lê Thiên L phải chịu 2.320.546 đồng *(hai triệu ba trăm hai mươi nghìn năm trăm bốn mươi sáu đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí 1.026.000 đồng *(một triệu không trăm hai mươi sáu nghìn đồng)* đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002842 ngày 09/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Tân Sang

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND Tp . T;
- Chi cục THADS Tp . T;
- Lưu hồ sơ, án văn.